

Biểu số 01
BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN NĂM 2025

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán thu 2025 HĐND tỉnh giao	Dự toán thu 2025 HĐND phường giao	Thực hiện đến ngày 30/9/2025	So sánh % TH 9 tháng so với Dự toán tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2025	So sánh % U' TH cả năm so với Dự toán tỉnh giao	So sánh % U' TH cả năm so với Dự toán phường giao	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7	8=7/4	9=7/3	10
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A)+(B)								
A	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (I)+(II)	222,500	222,500	41,249	18.54	82,607	37.13	37.13	
I	Thu nội địa	222,500	222,500	41,249	18.54	82,607	37.13	37.13	
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý	37,200	37,200	6,952	18.69		-	-	
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	208	208	61	29.33	96	46.15	46.15	
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài								
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	38,244	38,244	6,607	17.28	35,445	92.68	92.68	
	-Thuế giá trị gia tăng		-						
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp		-						
	-Thuế tiêu thu đặc biệt		-						
	-Thuế tài nguyên		-						
5	Lệ phí trước bạ	11,450	11,450	4,744	41.43	10,328	90.20	90.20	
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-	1		1			
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	575	575	205	35.65	575	100.00	100.00	
8	Thuế thu nhập cá nhân	8,655	8,655	4,144	47.88	5,000	57.77	57.77	
9	Thuế bảo vệ môi trường		-						
	<i>Trong đó, thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>		-						
10	Thu phí, lệ phí	2,888	2,888	1,422	49.24	4,531	156.89	156.89	
	-Phí và lệ phí trung ương								
	-Phí và lệ phí tỉnh		-						
	-Phí và lệ phí xã		-						
11	Tiền sử dụng đất	31,750	31,750	15,211	47.91	23,213	73.11	73.11	
12	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển		-	1,610		1,610			
12	Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-						
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	996	996		-	89	8.94	8.94	
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã		-						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-						
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)	100	100		-		-	-	
17	Thu khác	1,213	1,213	292	24.11	1,719	141.71	141.71	
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương		-						
	- Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		-						
18	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất, xử lý nhà đất, bán tài sản công,... so với dự toán Trung ương giao (Bao gồm Ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tương ứng số tiền đền bù GPMB của các DA đầu tư mà nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước và thu các DA khác; Ghi thu các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương)	89,221	89,221		-		-	-	
A	Thu ngân sách địa phương (I)+(II)+(III)+(IV)	83,567	83,567	49,478	59.21	102,624	122.80	122.80	
I	Các khoản thu cân đối NSDP được hưởng theo phân cấp	9,658	9,658	3,512	36.36	5,558	57.55	57.55	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	640	640	227	35.47	640	100.00	100.00	
2	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ %	9,018	9,018	3,285	36.43	4,918	54.54	54.54	
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh, trung ương	73,909	73,909	43,630	59.03	94,730	128.17	128.17	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	70,254	70,254	26,675	37.97	70,254	100.00	100.00	
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng		-						
3	Bổ sung có mục tiêu	3,655	3,655	16,955	463.89	24,476	669.66	669.66	
3.1	Bổ sung kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia		-						
3.2	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ		-						
3.3	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	3,655	3,655	16,955	463.89	24,476	669.66	669.66	
III	Thu từ chuyển nguồn		-	2,218		2,218			
IV	Thu kết dư		-	117		117			
B	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		-						

Biểu số 02

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán thu Trung ương giao 2025	Dự toán thu 2025 HĐND tỉnh giao			Thực hiện đến 30/9/2025			Ước thực hiện cả năm		
			Tổng thu	Trong đó		Tổng thu	Trong đó		Tổng thu	Trong đó	
				Thuế tỉnh thu	Đội thuế thu		Thuế tỉnh thu	Đội thuế thu		Thuế tỉnh thu	Đội thuế thu
	Tổng thu NSNN trên địa bàn		222,500	59,744	162,756	41,247	7,012	34,234	82,607	1,132	81,475
*	Khoản thu NS TƯ hưởng		-			-			-		
*	Khoản thu NSDP được hưởng		-			-			-		
	Khoản thu phân chia		-			-			-		
	Khoản thu NSDP hưởng 100%		-			-			-		
1	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh		37,408	37,408		7,013	7,012		22	22	
2	Thu từ công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh		38,244	15,715	22,529	6,607	-	6,607	35,455	-	35,455
-	Thuế giá trị gia tăng		30,800	12,450	18,350	5,563		5,563	31,455		31,455
-	Thuế thu nhập DN		5,178	2,250	2,928	699		699	3,000		3,000
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		-			2		2	5		5
-	Thuế tài nguyên		2,266	1,015	1,251	342		342	995		995
3	Lệ phí trước bạ		11,450		11,450	4,744		4,744	10,328		10,328
4	Thuế SD đất phi nông nghiệp		575		575	205		205	575		575
5	Thuế thu nhập cá nhân		8,655	3,562	5,093	4,144		4,144	5,000		5,000
6	Thu phí và lệ phí		2,888	1,093	1,795	1,422		1,422	4,531		4,531
-	Trong đó phí BVMT đối với khai thác khoáng sản		1,795		1,795	-			-		
7	Thu tiền sử dụng đất		31,750		31,750	15,211		15,211	23,213		23,213
8	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản		996	996		-			89		89
9	Tiền cho thuê đất		-			1,610		1,610	1,610	1,110	500
10	Bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		-			-			-		
11	Thu khác ngân sách		1,148	870	278	271		271	1,719		1,719
-	Trong đó thu phạt ATGT		-			-			-		
12	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích...tại xã		65		65	21		21	65		65
13	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư NN		-			-			-		
14	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế		100	100		-			-		
15	Tặng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao		89,221		89,221	-			-		
16	Thuế bảo vệ môi trường		-			-			-		
17	Thu từ hoạt động số xố kiến thiết		-			-			-		
18	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		-			-			-		

Biểu số 03
BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

	Nội dung	Nhiệm vụ chi năm 2025	Bao gồm			Thực hiện đến 30/9/2025	So sánh kết quả thực hiện 9 tháng		Ước thực hiện cả năm 2025	So sánh U TH chi cả năm với	
			Chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	DT HĐND giao năm 2025	Tinh bổ sung trong năm		Nhiệm vụ chi	Dự toán HĐND giao năm 2025		Nhiệm vụ chi	Dự toán HĐND giao năm 2025
	1	2=3+4+5	3	4	5	6	7=6/2	8=6/4	9	10=9/2	11=9/4
	Tổng chi ngân sách ĐP quản lý	95,960	1,214	83,638	11,108	53,060	61	70	90,574	94	108
I	Chi đầu tư phát triển	4,461	1,214	3,247	-	1,197	26.8%	36.9%	3,175	71.2%	97.8%
1	Chi đầu tư từ các nguồn vốn thuộc NSDP	3,175	1,174	2,001	-	-	0.0%	0.0%	3,175	100.0%	158.7%
1.1	Nguồn cân đối ngân sách địa phương	3,175	1,174	2,001	-	-	0.0%	0.0%	3,175	100.0%	158.7%
-	Vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức	-		-		-					
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3,175	1,174	2,001	-	-	0.0%	0.0%	3,175	100.0%	158.7%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		-							
1.2	Chi đầu tư từ các nguồn thu để lại	-	-	-		-			-		
2	Chi đầu tư từ các nguồn vốn thuộc NSTW	1,286	40	1,246	-	1,197	93.0%	96.0%		0.0%	0.0%
2.1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-				-		
2.2	Chương trình mục tiêu quốc gia	1,286	40	1,246	-	1,197	93.0%	96.0%	1,197	93.0%	96.0%
-	Chương tình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	948	26	922	-	908	95.8%	98.4%	908	95.8%	98.4%
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	-	-	-	-	-			-		

[illegible]

Biểu số 04
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Trung ương giao			Địa phương giao					Giải ngân Kế hoạch năm 2025 (đến 30/9/2025)											Ước thực hiện 31/12/2025
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Tỷ lệ giải ngân	Trong đó									
			Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung trong năm		Kế hoạch năm 2025	Trong đó		Kế hoạch năm 2024 kéo dài			Thuộc kế hoạch 2025				Thuộc kế hoạch 2024 kéo dài				Tỷ lệ giải ngân	Kế hoạch năm 2025
							Phân bổ tại Nghị quyết số 09/HĐND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung				Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ giải ngân	Tổng số giải ngân	Trong đó				
	Tổng số				7,275	7,275	7,275													3,175	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương				3,175	3,175	3,175													3,175	
(1)	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức																				
(2)	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				3,175	3,175	3,175													3,175	
(3)	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết																				
2	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP																				
3	Nguồn thu được để lại đầu tư				4,100	4,100	4,100														
-	Nguồn giao tăng thu sử dụng đất				4,100	4,100	4,100														

Biểu số 05

BAO CAO CHI TIET TINH HINH THUC HIEN VA GIAI NGAN KE HOACH ĐẦU TƯ NAM 2025

VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự án nhóm	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch năm 2025					Tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 (tính đến 30/9/2025)				Tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài				Ước thực hiện đến 31/12/2025		Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Kế hoạch năm 2025	Trong đó		Kế hoạch năm 2024 kéo dài	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ giải ngân	Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch năm 2024 kéo dài
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó				Phân bổ tại Nghị quyết số 09 HNND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung trong năm			KBNN KV XII cấp phát	Chuyển ngân sách xã	Tỷ lệ giải ngân		KBNN KV XII cấp phát	Chuyển ngân sách xã				
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB																
	Tổng cộng						3,175	3,175	3,175	3,175			3,175	3,175										3,175				
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG																											
I	PHÂN CẤP CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ																											
I.1	Phân cấp cân đối theo tiêu chí																											
I.2	Phân cấp hỗ trợ nông thôn mới																											
I.3	Phân cấp hỗ trợ đầu tư xây dựng cụm công nghiệp																											
I.4	Phân cấp hỗ trợ đầu tư chỉnh trang đô thị																											
I.5	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách																											
II	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH																											
II.1	BỔ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA VÀ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG																											
a)	Dự án ODA																											
b)	Đối ứng các dự án sử dụng vốn Trung ương																											
II.2	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH																											
II.3	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																											
II.4	QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH																											
II.5	THỰC HIỆN DỰ ÁN																											
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025																											
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2025																											
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2025																											
b)	Dự án khởi công mới năm 2025																											
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2025																											
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2025																											
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT						3,175	3,175	3,175	3,175			3,175	3,175											3,175			
I	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CẤP XÃ ĐƯỢC HƯỞNG						3,175	3,175	3,175	3,175			3,175	3,175			0								3,175			
1	Sửa chữa hội trường tổ dân phố 1	Phòng KTHĐTĐ phường Đắk Cấm	C	Tổ 1, phường Đắk Cấm	2025	26/QĐ-UBND ngày 22/8/2025	83	83	83	83			83	83											83		Đang TH CBĐT	
2	Sửa chữa hội trường tổ dân phố 5	Phòng KTHĐTĐ phường Đắk Cấm	C	Tổ 5, phường Đắk Cấm	2025	24/QĐ-UBND ngày 22/8/2025	46	46	46	46			46	46											46		Đang TH CBĐT	
3	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn phường Đắk Cấm	Phòng KTHĐTĐ phường Đắk Cấm	C	Phường Đắk Cấm	2025	05/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	2,311	2,311	2,311	2,311			2,311	2,311											2,311		Thực hiện thi công từ tháng 10/2025	
4	Trường Mầm non Hoa Ngọc Lan, hạng mục: Xây mới 01 phòng học (bao gồm nhà vệ sinh khép kín) tại Điểm trường thôn 5, phường Đắk Cấm.	Phòng KTHĐTĐ phường Đắk Cấm	C	Thôn 5, phường Đắk Cấm	2025	32/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	736	736	736	736			736	736											736		Đang TH CBĐT, trình bổ sung vào KHĐTC	
II	CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI																											
II.1	PHÂN CẤP ĐẦU TƯ CHO CẤP XÃ																											
II.2	CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TẠI TỈNH																											
III	BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT																											
IV	THU TỪ CÁC DỰ ÁN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT DO TỈNH ĐOÀN QUẢN LÝ																											
IV.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																											
IV.2	THỰC HIỆN DỰ ÁN																											

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Dự án nhóm	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch năm 2025					Tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 (tính đến 30/9/2025)				Tình hình giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài				Ước thực hiện đến 31/12/2025		Ghi chú	
							TMDT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số												Kế hoạch năm 2025
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:			Phân bố tại Nghị quyết số 09/HĐND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung trong năm														
											Tổng số	Trong đó:																	
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB													
a)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025																												
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023																												
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2023																												
b)	Dự án khởi công mới năm 2025																												
V	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, THUẾ ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TÍNH GIAO TẶNG THÊM																												
V.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																												

Biểu số 06

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHƯ

STT	Nguồn vốn - Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành
	Tổng số			
-				

A ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó		
				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
.....						

Biểu số 07

NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG ĐẮK CẨM 2025

[illegible]

Biểu số 08

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

DVT: Triệu đồng.

TT	Chương trình mục tiêu quốc gia	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn trung hạn đã bố trí đến 2025					Năm 2025																								Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Kế hoạch vốn 2024 kéo dài						Kế hoạch vốn 2025 được cấp thẩm quyền phân bổ																		
			ĐTPT			SN		ĐTPT			SN	Kế hoạch			Thực hiện giải ngân			Tổng số	Trong đó		Giao đầu năm			Điều chỉnh			Giao bổ sung			Thực hiện giải ngân						
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN	Tổng số	ĐTPT	SN				
TỔNG SỐ																																				
I	Cấp tỉnh																																			
II	Cấp xã																																			
1	Phường Đắk Cấm	2,009	2,009	2,009	0		1,027.60	947.60	947.60	0	80	26	26	0	0	0	1,002	922	80	1,002	922	80	0	0	0	0	0	0	0	947.6	907.6	40	Tính đến 30/9/2025			

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện đến 30/9/2025	Ước Thực hiện cả năm	Cùng kỳ năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9=7/5	10
A	Chỉ tiêu kinh tế								
1	Thu ngân sách địa phương								
-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	41,948	222,500	41,249	82,607	196.93	37.13	
+	Trong đó thu nội địa	Tỷ đồng							
	<i>Trong đó:</i>								
	Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	16,119	31,175	15,211	23,213	144.01	74.46	
	Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng							
-	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	3,977	9,658	3,512	5,558	139.75	57.55	
	<i>Trong đó:</i>								
+	Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	Tỷ đồng	639	640	319	600	93.90	93.75	
+	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tỷ đồng	3,338	9,018	3,193	4,958	148.53	54.98	
2	Chi ngân sách địa phương								
-	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	19,334	88,976	52,056	89,399	462.39	100.48	
	<i>Trong đó:</i>								
+	Chi đầu tư	Tỷ đồng	1,518	3,175	193	2,000	131.75	62.99	
+	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	17,816	85,801	51,863	87,399	490.56	101.86	
3	Bội thu/Bội chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
4	Bội chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng							
5	Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới								
6	Về phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể								
	Doanh nghiệp								
	- Số DN trong nước đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp	250.00	272.00		272.00	108.80	100.00	
	- Lũy kế tổng số DN trong nước được thành lập	"							
	- Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	"							
	Hợp tác xã								
	- Tổng số Hợp tác xã	HTX	6.00	6.00	6.00				
	<i>Trong đó:</i> Thành lập mới	HTX							
	- Tổng số thành viên hợp tác xã	Người			890.00				
	- Tổng số lao động trong hợp tác xã (bao gồm cán bộ và người lao động trong HTX)	Người							